

CÔNG TY TNHH 368 QUANG HUY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH 368 QUANG HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 368 QUANG HUY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: 368 QUANG HUY CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108264470

3. Ngày thành lập: 09/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6, thôn Trung Kỳ, Xã Đắc Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979 755798

Fax:

Email: huyhieu1974@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
2.	Xây dựng công trình công ích	4220
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Vận tải đường ống	4940
10.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
11.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
12.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
13.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
14.	Lập trình máy vi tính	6201
15.	Hoạt động viễn thông khác	6190
16.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
17.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
18.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6329
19.	Bảo hiểm phi nhân thọ Chi tiết: Đại lý bảo hiểm;	6512

20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014);	6820
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật (Điều 6 Nghị định 15/2013/NĐ-CP)	4290
23.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
24.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng (Căn cứ Điều 153 Luật Xây dựng 2014); - Tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Căn cứ Điều 150 Luật Xây dựng 2014) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Căn cứ Điều 154 Luật Xây dựng 2014); - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (Điều 62 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý dự án (Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Tư vấn giám sát công xây dựng, kiểm định xây dựng (Điều 66 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 67 Nghị định 59/2015/NĐ-CP); - Tư vấn đấu thầu (Điều 113 Nghị định 63/2014/NĐ-CP) - Hoạt động đo đạc bản đồ	7110
25.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
26.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
27.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ cá loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
28.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

29.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý; - Tư vấn lập báo cáo khảo sát kinh tế xã hội và truyền thông (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế, tư vấn tài chính).	7490
30.	Đại lý du lịch	7911
31.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế (Điều 31, 37 Luật du lịch năm 2017)	7912
32.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);	7920
33.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị trong lĩnh vực cấp thoát nước, xử lý chất thải và môi trường; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299
38.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
39.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế, tư vấn tài chính);	8560
40.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; (Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 86/2014/NĐ-CP)	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP)	4933
46.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất chương trình truyền hình	5911
50.	Hoạt động hậu kỳ	5912
51.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
52.	Hoạt động chiếu phim	5914
53.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm)	3822
55.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
59.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ; - Sản xuất thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường	3290
60.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
61.	Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm)	3812
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
63.	Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm)	3830

